

Bản án số: 11/2025/HNGĐ-PT

Ngày: 15-01-2025

V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Duyên.

Các Thẩm phán:

1/ Bà Nguyễn Hoàng Anh.

2/ Bà Quách Thanh Bình.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Nguyễn Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Mạnh Thị Tú Uyên – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 137/2024/TLPT-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn”.

Do bản án sơ thẩm số 942/2024/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 6646/2024/QĐ-PT ngày 18 tháng 12 năm 2024; giữa:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thiện Ngân T, sinh năm 1983 (có mặt)

Địa chỉ: Quốc Lộ A, Tổ D, Khu phố E, phường A, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Bị đơn:** Ông Lưu Thanh D, sinh năm 1973 (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố A (tổ D, khu phố A cũ), phường A, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Người kháng cáo:** Bị đơn - Ông Lưu Thanh D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thiện Ngân T trình bày: Bà và ông Lưu Thanh D tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại 17 (01/2023) do Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh B cấp ngày 04 tháng 3 năm 2014.

Trong quá trình chung sống, bà và ông Lưu Thanh D không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn do ông Lưu Thanh D không tôn trọng vợ, hiện nay hai vợ chồng sống ly thân không còn chăm sóc, yêu thương nhau. Nay bà T cảm thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên bà T làm đơn xin ly hôn ông D.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lưu Thanh D trình bày: Ông xác nhận hôn nhân giữa ông và bà T có nhiều mâu thuẫn, ông bà không có tiếng nói chung khoảng hơn 04 năm, hiện ông D đã sống ly thân và không còn tình cảm với bà T. Tuy nhiên, ông D không đồng ý ly hôn với bà T vì hiện nay giữa ông D và bà T chưa giải quyết xong vấn đề tài sản chung, sau khi giải quyết xong tài sản thì ông D mới chấp nhận ly hôn với bà T.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Ông D xác nhận không làm đơn phản tố yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung vì ông D muốn tự thỏa thuận với bà T, đồng thời, ông D không cung cấp được tài liệu chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu tài sản chung. Ông chỉ yêu cầu Tòa án không chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T để bà T thương lượng giải quyết vấn đề tài sản với ông D.

Về nợ chung: Không có.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 942/2024/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh đã căn cứ vào các Điều 5, Điều 14, khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Khoản 2 Điều 91, Khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, 235, 264, 266, 267, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 8, 9, 19, 51, 53, 54, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b, Điều 9, Điều 30 Luật Thi hành án dân sự. Tuyên xử

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thiện Ngân T.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thiện Ngân T được ly hôn đối với ông Lưu Thanh D.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật thì Giấy chứng nhận kết hôn số 17 (01/2023) do Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh B cấp ngày 04 tháng 3 năm 2014 không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Bà Nguyễn Thiện Ngân T và ông Lưu Thanh D không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 19/8/2024, bị đơn ông Lưu Thanh D kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị không ly hôn với bà T vì chưa thỏa thuận được việc chia tài sản chung trong thời gian kết hôn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn, ông Lưu Thanh D xác định yêu cầu kháng cáo của ông là: Đề nghị bà T hoàn trả cho ông số tiền 500.000.000 đồng thì ông mới đồng ý ly hôn với bà T lý do ông xác định tình cảm giữa ông và T không còn, mâu thuẫn trầm trọng mục đích hôn nhân không đạt được.

Nguyên đơn, bà Nguyễn Thiện Ngân T đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án; Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định của pháp luật.

Đơn kháng cáo của ông Lưu Thanh D làm trong hạn luật định nên được chấp nhận.

Về nội dung: Ông D yêu cầu xem xét đề nghị bà T hoàn trả cho ông số tiền 500.000.000 đồng thì mới chịu ly hôn là không có cơ sở, căn cứ để xem xét chấp nhận. Mặt khác việc yêu cầu này ông T không có yêu cầu phản tố từ cấp sơ thẩm nên vượt quá thẩm quyền xét xử của cấp phúc thẩm. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông D, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn ông Lưu Thanh D không đồng ý với nội dung bản án sơ thẩm nên đã có đơn xin kháng cáo. Xét đơn kháng cáo của ông D làm trong hạn luật định nên được chấp nhận.

[2] Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 17 (01/2023) do Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh B cấp ngày 04 tháng 3 năm 2014 thì quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thiện Ngân T và ông Lưu Thanh D là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của ông D:

Căn cứ vào các lời khai và chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử xét thấy:

Trong quá trình chung sống giữa bà T và ông D có nhiều mâu thuẫn, ông bà không có tiếng nói chung khoảng hơn 04 năm, hiện ông D đã sống ly thân và không còn tình cảm với bà T; ông D không đồng ý ly hôn với bà T vì hiện nay giữa ông D và bà T chưa giải quyết xong vấn đề tài sản chung, sau khi giải quyết xong tài sản thì ông D mới chấp nhận ly hôn với bà T. Ông D nêu lý do của việc kháng cáo là do chưa thỏa thuận được vấn đề về tài sản chung chưa được giải quyết, ông không đồng ý ly hôn vì tình trạng hôn nhân còn cứu vãn được nhưng ông D không đưa ra được các biện pháp khắc phục, giải quyết mâu thuẫn, chia sẻ trách nhiệm trong cuộc sống vợ chồng. Ông D cũng thừa nhận cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc vì đã xảy ra mâu thuẫn như đã nêu trên.

Tòa cấp sơ thẩm đã căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T là có căn cứ vì xét thấy cuộc sống chung giữa ông D và bà T thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được hạnh phúc. Do đó, Tòa cấp phúc thẩm không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông D, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị y án sơ thẩm là có căn cứ nên chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của ông D không được chấp nhận nên ông D phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lưu Thanh D.
2. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 942/2024/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thiện Ngân T được ly hôn đối với ông Lưu Thanh D.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật thì Giấy chứng nhận kết hôn số 17 (01/2023) do Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh B cấp ngày 04 tháng 3 năm 2014 không còn giá trị pháp lý.

2.2. Về con chung: Không có.

2.3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thiện Ngân T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0022109 ngày 03 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thiện Ngân T đã nộp đủ án phí.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lưu Thanh D phải chịu là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) và được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) mà ông D đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 00420095 ngày 27/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông D đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- TAND Quận T, TP.HCM;
- Chi cục THADS Quận T, TP.HCM;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án. (Linh/16b)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Bích Duyên

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THÂM
CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng Anh

Quách Thanh Bình

Hoàng Thị Bích Duyên